

Bản án số: 558/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2020

V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1719/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng Kim H, sinh năm 1990; cư trú tại: Đường B, phường T, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1985; cư trú tại: Đường Q, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Kim H trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh N đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông N không còn chung thủy với vợ, không chăm lo cho gia đình. Hiện nay hai người đã

sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông N có một con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/4/2017; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ.

- Về cấp dưỡng và chia tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Minh N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập hợp lệ nhưng ông N vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và nộp các chứng cứ, tài liệu kèm theo hoặc có mặt tại Tòa án để có ý kiến, tham gia hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng và thời hạn tố tụng. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt cho bị đơn đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Hoàng Kim H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hoàng Kim H đối với ông Nguyễn Minh N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình; ông N cư trú tại địa chỉ đường Q, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

2.1. Hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 128/2015, quyển số 01/2015 ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Ông N không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình, vợ con; đôi bên không còn sống chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập hợp lệ nhưng ông N không nộp (gửi) cho Tòa án ý kiến của mình hoặc có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải, đưa ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ông N không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H và cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa ông N lại vắng mặt. Như vậy, thực chất hôn nhân giữa bà H và ông N đã không còn tồn tại, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu của bà H ly hôn với ông N theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 72/2017 ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xác định: Bà H và ông N có một con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/4/2017. Bà H yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy, hiện bà H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con, về phía ông N như đã nêu trên trong suốt quá trình giải quyết đều vắng mặt. Như vậy, để bảo đảm về điều kiện nuôi dưỡng, sự phát triển về tâm sinh lý và quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Nguyễn Hoàng Gia H sinh ngày 17/4/2017 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ông Nguyễn Minh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở. Bà Nguyễn Hoàng Kim H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N nếu ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung*: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí*:

Bà Nguyễn Hoàng Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, khoản 1 điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng Kim H

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hoàng Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Minh N. Giấy chứng nhận kết hôn số 128/2015, quyền số 01/2015 ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Hoàng Kim H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/4/2017

Ông Nguyễn Minh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở. Bà Nguyễn Hoàng Kim H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N nếu ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể

quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng và chia tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0021979 ngày 11/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh; đương sự đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Đương sự;
- Cơ quan ĐKKH;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thành Phong